

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 772 /UBND-DT
Về việc báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện các chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025

Hương Trà, ngày 04 tháng 3 năm 2020

Kính gửi:

- Phòng Lao động-TB&XH thị xã;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã;
- Phòng Kinh tế thị xã;
- UBND các xã: Bình Thành, Bình Tiến, Hương Thọ.

Để có cơ sở báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc về tình hình thực hiện tổng kết, đánh giá thực hiện các Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025. Ủy ban nhân dân thị xã yêu cầu:

Phòng Lao động-TB&XH thị xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Phòng Kinh tế thị xã, UBND các xã: Bình Thành, Bình Tiến, Hương Thọ báo cáo về kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn theo đề cương báo cáo đính kèm.

Báo cáo gửi về UBND thị xã (qua Văn phòng HĐND-UBND thị xã) trước ngày 14/3/2020 (đính kèm file điện tử theo địa chỉ: dvdai.huongtra@thuathienhue.gov.vn) để tổng hợp báo cáo.

Nhận được Công văn này, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Trần Ngọc Huyền

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135
GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ ĐỀ XUẤT CHO GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Công văn số: 772 /UBND-DT ngày 04/3/2020 của UBND thị xã)

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135
GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. THỰC TRẠNG KINH TẾ XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐẦU GIAI ĐOẠN 2016-2020

Khái quát về tình hình kinh tế xã hội của địa phương đầu giai đoạn 2016-2020. Nhấn mạnh thực trạng cơ sở hạ tầng thiết yếu, thu nhập của người dân, trình độ phát triển sản xuất, năng lực cán bộ cơ sở, số hộ, số dân, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo chung của tỉnh và địa bàn thực hiện Chương trình 135 (các xã, thôn, bản ĐBKK).

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác tổ chức chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình

Việc ban hành văn bản chỉ đạo, quản lý, điều hành, quy định hướng dẫn tại địa phương để triển khai thực hiện Chương trình 135.

Các chính sách đặc thù do địa phương ban hành để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, thôn bản thực hiện Chương trình 135.

Phân công, phân nhiệm và công tác điều phối, phối hợp, trách nhiệm của các ngành các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện Chương trình. Đánh giá sâu vai trò của công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện trong tham mưu, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Chương trình

2. Công tác thông tin tuyên truyền

Kết quả các hoạt động phổ biến thông tin về Chương trình, chính sách pháp luật về công tác dân tộc; quyền lợi và trách nhiệm của cộng đồng và người nghèo trong thực hiện Chương trình; vấn đề về công khai và minh bạch về đối tượng thụ hưởng, nội dung và mức độ hỗ trợ, mức vốn được phân bổ, kế hoạch thực hiện, quyết toán kinh phí từng công trình, dự án của Chương trình trên địa bàn;

Hiệu quả của hoạt động phổ biến, chia sẻ những điển hình tiên tiến, kinh nghiệm hay, cách làm có hiệu quả (như các gương thoát nghèo, mô hình sinh kế, duy tu và bảo dưỡng công trình dựa vào cộng đồng, thực hiện cơ chế đặc thù) trong thực hiện chương trình.

3. Công tác kiểm tra giám sát đánh giá

Việc bố trí kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình 135 đối với cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện.

Số đợt kiểm tra giám sát chương trình 135 của cấp tỉnh, huyện. Hiệu quả và tác động của việc kiểm tra, giám sát, đánh giá. Làm rõ các phát hiện trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá; kết quả xử lý sau kiểm tra, thực hiện các kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Trách nhiệm của các cơ quan liên quan đối với hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, việc bố trí kinh phí cho BGSĐTCD, trách nhiệm nộp hồ sơ thiết kế, giải quyết kiến nghị... Vai trò thực tế và hiệu quả hoạt động của Ban giám sát đầu tư cộng đồng.

4. Công tác huy động nguồn lực

Đánh giá kết quả huy động nguồn lực cho Chương trình 135: NSNN (gồm NSTW, NSDP), người dân đóng góp (bao gồm cả hiện vật sức lao động của người dân tham gia quy đổi ra tiền), nguồn huy động khác.

Bố trí nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn từ các nguồn vốn khác.

5. Đánh giá kết quả thực hiện các nguyên tắc, cơ chế của Chương trình

5.1. Đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Việc ban hành tiêu chí phân bổ vốn của địa phương và những khó khăn tồn tại trong việc triển khai thực hiện Quyết định này.

5.2. Đánh giá trong việc phân cấp công tác lập, thẩm định, điều chỉnh phê duyệt danh mục các dự án (đầu tư/ duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng, nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở) thuộc Chương trình 135.

5.3. Đánh giá việc thực hiện cơ chế thanh quyết toán đối với nguồn vốn Chương trình 135. Chú trọng đối với các dự án có sự tham gia, cung cấp, triển khai bởi cộng đồng.

5.4. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 161/2016/NĐ-CP và Nghị định số 120/NĐ-CP. Quy định đặc thù của địa phương trong triển khai các công trình hạ tầng quy mô nhỏ nhằm nâng cao tỷ lệ các công trình thực hiện theo Nghị định số 161/NĐ-CP. Đánh giá tác động việc triển khai Nghị định số 161 đối với mục tiêu “ xã công trình, dân có việc làm và tăng thu nhập” so sánh hiệu quả kinh tế, tác động xã hội khi triển khai các công trình theo Nghị định số 161 có sự tham gia của cộng đồng.

5.5. Đánh giá thực tiễn triển khai và hiệu quả của nguyên tắc “xã làm chủ đầu tư”. Những tồn tại vướng mắc và giải pháp để đảm bảo cấp xã làm chủ đầu tư với đúng vai trò, trách nhiệm, quyền hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2016-2020 (DỰ KIẾN CÁC KẾT QUẢ ĐẾN CUỐI NĂM 2020)

1. Tiểu dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

*** Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng**

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác)
- Số công trình, loại công trình đầu tư, năng lực tăng thêm của các công trình đầu tư (Chi tiết tại biểu tổng hợp các công trình hạ tầng).
- Số công trình hỏng hóc, thiệt hại sau thiên tai

Hiệu quả và những tồn tại hạn chế trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương (trong suốt quá trình lập dự án đến bàn giao công trình) hiệu quả thực tế của việc tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quá trình triển khai xây dựng các công trình hạ tầng, việc ban hành cơ chế quản lý, khai thác công trình sau đầu tư và tác động đối với mục tiêu tăng tuổi thọ công trình

*** Duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng**

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác)
- Số công trình, loại công trình duy tu bảo dưỡng

Việc ban hành và đánh giá tác động của quy chế quản lý duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng; định mức, kinh phí cho việc duy tu bảo dưỡng các công trình; số công trình và số vốn sử dụng nguồn duy tu bảo dưỡng cho việc xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa lớn các công trình hạ tầng trên địa bàn

2. Tiểu dự án Nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác).
- Nội dung các hoạt động nâng cao năng lực.
- Số lượt người tham gia (người dân, cán bộ).
- Phương pháp tổ chức thực hiện các nội dung nâng cao năng lực.

Đánh giá hiệu quả hoạt động của tiểu dự án nâng cao năng lực; tác động của hoạt động nâng cao năng lực đến hiệu quả tổ chức quản lý, điều hành, theo dõi, giám sát đánh giá của cộng đồng và cán bộ cơ sở đối với các hoạt động khác của Chương trình cũng như trên địa bàn (nâng cao năng lực tác động đến tăng tỷ lệ xã làm chủ đầu tư, tăng tỷ lệ tổ nhóm thợ thi công các công trình trên địa bàn; ứng dụng mô hình phát triển sản xuất hiệu quả...) và tác động ngược lại: Tự nâng cao năng lực trong quá trình tham gia thực hiện chương trình.

3. Tiểu dự án Phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

- Vốn kế hoạch, vốn thực hiện (kể cả nguồn vốn khác).
- Nội dung dự án đã và đang triển khai thực hiện từ năm 2016-2020 bao gồm những nội dung gì, bao nhiêu con vật nuôi, cây trồng số hộ được hỗ trợ, cách thức hỗ trợ quan tâm đến công tác đối ứng (nêu rõ đối ứng bằng hình thức nào, nếu bằng hiện vật thì quy đổi ra tiền, vốn đối ứng của xã, huyện).
- Cách thức triển khai thực hiện dự án, sự đồng tình của người dân trong việc tham gia dự án phát triển sản xuất, hiệu quả mang lại đến thời điểm hiện nay như thế nào, khi hết hỗ trợ của nhà nước dự án còn duy trì ở mức độ nào;
- Đánh giá chung trong việc hỗ trợ giảm nghèo đối với các nhóm hộ được hỗ trợ, đối tượng được hỗ trợ giảm nghèo ở mức giảm nghèo đạt bao nhiêu phần trăm, Bao nhiêu những hộ được hỗ trợ còn lại có khả năng thoát nghèo.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN.

1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được

- Hiệu quả nổi bật trong thực hiện các nội dung của chương trình. Qua đó tác động mang lại hiệu quả tổng hợp trong kinh tế - xã hội; đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Tác động giảm nghèo, phát triển kinh tế mang tính bền vững tới các đối tượng thụ hưởng.

- Đánh giá khác

2. Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

a. các mục tiêu chỉ tiêu đã hoàn thành

b. các mục tiêu chỉ tiêu chưa hoàn thành

(Căn cứ từng mục tiêu cụ thể, chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2020 quy định tại Mục b, mục c khoản 2, Điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, so sánh với kết quả dự kiến đạt được để đánh giá mức độ hoàn thành, chưa hoàn thành).

3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân đối với các mục tiêu, chỉ tiêu chưa hoàn thành

(Nêu rõ những tồn tại, hạn chế trong công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện từ Trung ương đến cơ sở; việc bố trí nguồn lực cho các hoạt động của Chương trình, bao gồm cả kinh phí kiểm tra giám sát, thông tin tuyên truyền, định mức kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng tham gia hoạt động nâng cao năng lực...; mức tham gia của đối tượng hưởng lợi, cơ chế phân cấp trao quyền, sự hào lòng của người dân...)

đồng thời phân tích kỹ nguyên nhân chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến những tồn tại đó)

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Trên cơ sở thực tế triển khai, những đánh giá phát hiện trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình, xác định những bài học kinh nghiệm cần rút ra nhằm mục tiêu bảo đảm hơn nữa hiệu quả các hoạt động của Chương trình trong những năm tiếp theo.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

I. ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

1. Đề xuất giải pháp quản lý, điều hành

Đề xuất cơ chế quản lý, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình cho giai đoạn tiếp theo (trên cơ sở đánh giá những tồn tại, khó khăn vướng mắc giai đoạn 2016-2020 tại địa phương và nội dung, mục tiêu đề án tổng thể đầu tư phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 88/2019/NQ-QH14), chú trọng cơ chế đặc thù và giải pháp tổ chức thực hiện; Cơ chế lập, thẩm định, điều chỉnh, phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; cơ chế phân cấp đi đôi với trao quyền; cơ chế thanh quyết toán các nội dung của Chương trình;...

2. Đề xuất giải pháp huy động và đồng bộ các nguồn lực trên cùng một địa bàn

Cơ cấu vốn hỗ trợ đầu tư (NSTW, NSDP), huy động từ cộng đồng đi đôi với cơ cấu vốn vay chính sách xã hội.

Đề xuất cơ chế chính sách, giải pháp huy động và đồng bộ nguồn lực thực hiện Chương trình trên cùng một địa bàn (cơ chế chung)

II. Đề xuất kiến nghị khác (Nếu có)